



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

TP.HCM - Tháng 01 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 34

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,263,929,062,026	1,695,799,337,113
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	109,776,297,227	127,376,857,314
1 . Tiền	111		109,276,297,227	66,076,857,314
2 . Các khoản tương đương tiền	112		500,000,000	61,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482,497,426,117	749,904,439,374
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	398,582,106,631	656,652,612,246
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55,910,891,153	44,411,291,443
5 . Các khoản phải thu khác	136	5.3	28,004,428,333.00	48,840,535,685
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	587,866,241,293	721,302,870,922
1 . Hàng tồn kho	141		590,929,097,708	723,431,043,399
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,062,856,415)	(2,128,172,477)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		83,789,097,389	97,215,169,503
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	14,118,612,908	11,219,686,196
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152		56,936,122,901	68,287,205,015
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	12,734,361,580	17,708,278,292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		579,765,981,868	468,776,442,951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		64,149,129,999	32,580,885,306
6 . Phải thu dài hạn khác	216	5.3	64,149,129,999.09	32,580,885,306
II. Tài sản cố định	220		271,608,416,287	229,737,202,356
1 . TSCĐ hữu hình	221	5.6	242,866,550,872	200,007,080,315
- Nguyên giá	222		676,405,829,566	600,685,712,069
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(433,539,278,694)	(400,678,631,754)
3 . TSCĐ vô hình	227	5.7	28,741,865,415	29,730,122,041
- Nguyên giá	228		40,824,941,591	39,442,150,391
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12,083,076,176)	(9,712,028,350)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	279,131,296
2 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	279,131,296
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	202,750,871,825	165,850,871,825
1 . Đầu tư vào công ty con	251		104,603,268,520	72,803,268,520
2 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		70,861,989,920	65,761,989,920
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27,285,613,385	27,285,613,385
V. Tài sản dài hạn khác	260		41,257,563,757	40,328,352,168
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	41,257,563,757	40,328,352,168
TỔNG TÀI SẢN	270		1,843,695,043,894	2,164,575,780,064

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,553,994,564,144	1,875,639,296,090
I. Nợ ngắn hạn	310		1,451,754,185,059	1,816,190,606,720
2 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	210,790,262,208	305,603,541,628
3 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10,210,264,018	5,950,414,159
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	7,097,694,185	6,777,865,145
5 . Phải trả người lao động	314		134,627,366,659	127,237,736,674
6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	28,753,578,072	25,762,430,818
8 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	2,795,925,844	485,335,656
9 . Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	13,790,975,563	9,604,509,408
10 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1,000,595,599,681	1,293,451,945,075
11 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		29,144,918,195	29,144,918,195
12 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13,947,600,634	12,171,909,962
II. Nợ dài hạn	330		102,240,379,085	59,448,689,370
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1,227,094,905	1,496,498,791
6 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	21,201,162,735	15,259,492,405
7 . Phải trả dài hạn khác	337	5.13	6,409,205,274	6,338,182,174
8 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	73,402,916,171	36,354,516,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289,700,479,750	288,936,483,974
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	289,700,479,750	288,936,483,974
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		182,000,000,000	182,000,000,000
8 . Quỹ đầu tư phát triển	418		31,399,897,713	31,399,897,713
11 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76,300,582,037	75,536,586,261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30,036,586,261	19,367,739,303
- LNST chưa phân kỳ này	421b		46,263,995,776	56,168,846,958
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1,843,695,043,894	2,164,575,780,064

Lập biểu



Huỳnh Văn Phát

Kế Toán Trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

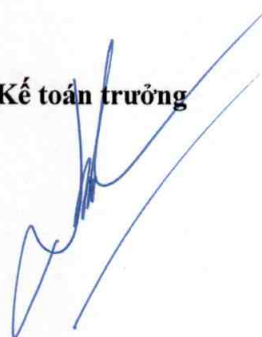
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Q.3	Kỳ Q.3	Lũy kế	
			kết thúc ngày 30/09/2016	kết thúc ngày 30/09/2015	đến ngày 30/09/2016	đến ngày 30/09/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	823,318,371,744	1,056,955,760,195	2,382,828,299,734	2,563,667,799,728
2. Các khoản giảm trừ	02		2,634,127,529	3,650,753,716	11,226,829,682	11,332,024,026
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		820,684,244,215	1,053,305,006,479	2,371,601,470,052	2,552,335,775,702
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	655,608,276,237	866,991,311,608	1,902,179,874,682	2,130,330,818,993
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165,075,967,978	186,313,694,871	469,421,595,370	422,004,956,709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	10,343,525,930	19,085,585,622	39,721,125,334	48,147,793,469
7. Chi phí tài chính	22	5.19	8,289,963,635	34,888,032,553	27,287,883,563	61,038,331,264
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,653,385,639	7,323,207,746	19,953,779,657	20,148,090,165
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	65,804,671,046	73,481,448,134	188,749,506,248	178,495,524,368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	79,321,539,073	74,727,231,906	228,782,182,518	166,963,638,194
10. Lợi tức thuần từ HĐKD	30		22,003,320,153	22,302,567,900	64,323,148,375	63,655,256,352
11. Thu nhập khác	31		1,501,562,715	380,080,025	2,349,785,204	929,379,272
12. Chi phí khác	32		1,183,777,838	182,293,460	1,538,381,593	622,021,472
13. Lợi nhuận khác	40	5.22	317,784,877	197,786,565	811,403,611	307,357,800
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		22,321,105,030	22,500,354,465	65,134,551,986	63,962,614,152
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	3,512,564,398	4,843,534,940	10,058,366,528	10,049,528,057
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18,808,540,632	17,656,819,525	55,076,185,458	53,913,086,095

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>1</i>		<i>65,134,551,986</i>	<i>63,962,614,152</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2		43,830,069,728	44,462,223,654
- Các khoản dự phòng	3		934,683,938	
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(21,239,232,751)	(22,453,417,305)
- Chi phí lãi vay	6		19,900,690,231	20,148,090,165
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>8</i>		<i>108,560,763,132</i>	<i>106,119,510,666</i>
- Tăng các khoản phải thu	9		234,441,091,640	(215,604,012,532)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		132,501,945,691	29,561,723,354
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(80,735,150,579)	25,572,521,811
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(3,828,138,301)	(6,081,977,256)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,900,690,231)	(20,148,090,165)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,469,837,784)	(12,267,693,614)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7,036,499,002)	(10,653,189,127)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>357,533,484,565</i>	<i>(103,501,206,863)</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(75,140,929,067)	(48,280,582,357)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(121,789,435)	170,469,344
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,677,324,250)	(8,399,300,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,500,000,000	1,350,000,000
<i>Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<i>27</i>		<i>20,613,943,323</i>	<i>22,453,417,305</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(73,826,099,429)</i>	<i>(32,705,995,708)</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1,890,518,072,000	2,088,507,274,219
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,146,326,017,223)	(1,798,705,643,276)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45,500,000,000)	(45,500,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(301,307,945,223)</i>	<i>244,301,630,943</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(17,600,560,087)</i>	<i>108,094,428,372</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>127,376,857,314</i>	<i>55,907,981,288</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>		<i>109,776,297,227</i>	<i>164,002,409,660</i>

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 13 tháng 01 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.416.571	14.165.710.000	7,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.694.307	116.943.070.000	64,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May Bình Phát
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May Bảo Lộc
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May An Giang
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May KonTum
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Chi nhánh Bình Định
Chi nhánh Phía Bắc Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/09/2016 Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Các Công ty con	tỷ lệ vốn góp	tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP May Bình Định	51.84%	51.84%
Công ty CP May Đà Lạt	55.00%	55.00%
Công ty CP May Gia Lai	51.00%	51.00%
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	51.00%	51.00%
Công ty CP May An Nhơn	51.00%	51.00%
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	51.00%	51.00%
Công ty CP May Tam Quan	51.00%	51.00%
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70.00%	70.00%
Công ty cô phân May Bình Thuận	51.00%	51.00%
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	72.00%	72.00%
Cty CP May Gia Phúc	51.00%	51.00%
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cô phân May Phú Thịnh	33.19%	33.19%
Công ty cô phân May 9 Nam Định	34.33%	34.33%
Công ty cô phân Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%
Công ty cô phân May Sông Tiên	43.89%	43.89%
Công ty CP BĐS Nhà Bè	30.00%	30.00%
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30.00%	30.00%
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29.99%	29.99%
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	37.60%	37.60%
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25.00%	25.00%
Công Ty CP TM Bán Lẻ Nhà Bè	30.00%	30.00%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên

Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2015 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 30/09/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 30/09/2016.

(Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản tại nhiều ngân hàng khác nhau thì có thể lấy theo ngân hàng thường xuyên nhất, hoặc có số dư ngoại tệ lớn nhất – tùy từng doanh nghiệp, lấy thế nào thì thuyết minh minh thực tế như thế)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2016
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	05-07
Thiết bị văn phòng	03-07
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là bản quyền được khấu hao trong 6 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 3% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 16% lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:**

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính (Tiếp theo)

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ xx% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8,626,706,850	8,647,386,842
Tiền gửi ngân hàng	100,649,590,377	57,429,470,472
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	500,000,000	61,300,000,000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	500,000,000	61,300,000,000
Tổng	109,776,297,227	127,376,857,314

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Phải thu của khách hàng

Tên khách hàng	30/09/2016 VND	Tên khách hàng	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	398,582,106,631		656,652,612,246
PRIMARK	13,076,629,953	PTE.LTD	76,166,704,258
MOTIVES	48,669,035,104	MOTIVES	162,625,477,173
MATTALAN	9,647,968,905	ASDA	5,755,359,457
MILES	9,494,811,118	WE EUROPE	6,061,029,217
CARMEL	6,865,069,246	JP GLOBAL	8,789,905,008
Công Ty CP May Gia Lai	44,716,377,215	Gia Lai	44,725,228,136
CANDA	9,076,511,451	H&M	14,154,092,560
JC PENNY	25,263,526,414	JC PENNY	12,589,820,830
ARCADIA	18,036,913,852	ARCADIA	8,437,458,337
BMB CLOTHING GROUP	35,634,480,682	GROUP	18,898,535,568
Phải thu các đối tượng khác	178,100,782,691	tượng khác	298,449,001,702
Phải thu khách hàng dài hạn	-	hàng dài hạn	-
	398,582,106,631		656,652,612,246

5.3 Phải thu khác

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	28,004,428,333	48,840,535,685
Phải thu BHXH	568,942,028	1,956,844,810
Phải thu các công ty con, LDLK	1,381,178,961	5,727,052,925
Phải thu bán nguyên phụ liệu		11,191,241,000
Phải thu tạm ứng	4,677,476,841	4,148,520,519
Ứng tiền đầu tư dự án Hậu giang	602,286,000	17,423,175,750
Ứng tiền đầu tư dự án Đức linh	17,271,741,000	
Đặt cọc tiền mặt bằng		
Phải thu khác	3,502,803,503	8,393,700,682
Dài hạn	64,149,129,999	32,580,885,306
Mua đất dự án Long Thới	34,301,286,150	20,284,186,150
Phải thu các công ty con, LDLK	16,050,953,946	-
Công Ty CP May Phù Cát	10,144,440,000	10,144,440,000
Ký quỹ thuê mặt bằng	2,564,165,804	2,152,259,156
Phải thu khác	1,088,284,099	
Tổng	92,153,558,332.00	81,421,420,991

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Hàng tồn kho

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			-	
Nguyên liệu, vật liệu	271,473,333,808	556,923,321	318,809,004,717	556,923,321
Công cụ, dụng cụ	2,045,624,182		1,164,371,421	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	177,943,318,248		236,735,624,740	
Thành phẩm	71,652,038,081	645,051,913	100,784,936,401	453,153,239
Hàng hoá	8,936,821,519	849,931,113	7,842,506,404	107,145,849
Hàng gửi đi bán	58,877,961,869	1,010,950,068	58,094,599,716	1,010,950,068
	590,929,097,708	3,062,856,415	723,431,043,399	2,128,172,477

5.5 Chi phí trả trước

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	14,118,612,908	11,219,686,196
Phân bổ thuê đất	120,714,342	74,426,761
Phân bổ CCDC	1,987,133,981	3,060,937,315
Tài sản vô hình	21,948,220	
Phân bổ CP quảng cáo	1,106,936,102	948,490,354
Phân bổ CP sửa chữa	616,837,500	723,990,835
Phân bổ CP thuê MB	3,507,587,753	3,441,380,030
Bảo Hiểm	964,244,561	2,020,552,115
Phân bổ phụ tùng	1,070,615,561	376,469,858
Máy móc	53,154,458	16,542,262
Khác	4,669,440,430	556,896,666
Dài hạn	41,257,563,757	40,328,352,168
Chi phí thuê đất	15,884,572,949	16,596,234,548
Chi phí công cụ, dụng cụ	5,864,120,835	9,659,343,807
Máy móc thiết bị	5,914,280,663	4,917,110,131
Chi phí quảng cáo	99,814,409	201,676,665
Chi phí sửa chữa	8,676,992,997	6,283,887,946
Chi phí phụ tùng	2,597,376,176	1,645,269,611
Tài sản HH	175,888,862	945,745,626
Tài sản VH	828,778,149	
Bảo hiểm	541,324,612	
khác	674,414,105	79,083,834
Tổng	55,376,176,665	51,548,038,364

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	213,343,081,379	352,425,271,456	24,617,522,850	10,299,836,384	600,685,712,069
Tăng trong năm	25,238,726,979	77,048,448,196	2,844,185,818	1,117,942,514	106,249,303,507
Mua trong năm	784,925,400	56,616,881,239	2,702,185,818	999,952,849	61,103,945,306
XDCB hoàn thành	23,256,047,156				23,256,047,156
Tăng do điều chuyển nội bộ	1,197,754,423	20,431,566,957	142,000,000	117,989,665	21,889,311,045
Giảm trong năm	1,197,754,423	28,465,918,113	518,476,190	347,037,284	30,529,186,010
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		8,034,351,156	376,476,190	229,047,619	8,639,874,965
Giảm khác					
Giảm do điều chuyển nội bộ	1,197,754,423	20,431,566,957	142,000,000	117,989,665	21,889,311,045
Số dư tại 30/09/2016	237,384,053,935	401,007,801,539	26,943,232,478	11,070,741,614	676,405,829,566
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	117,020,960,570	258,736,297,924	16,714,403,651	8,206,969,609	400,678,631,754
Tăng trong năm	11,535,707,497	38,050,854,142	1,795,471,164	761,109,719	52,143,142,522
Khấu hao trong năm	10,409,559,804	28,720,076,018	1,631,370,953	698,015,127	41,459,021,902
Tăng do điều chuyển nội bộ	1,126,147,693	9,330,778,124	140,500,000	63,094,592	10,660,520,409
Tăng khác			23,600,211		23,600,211
Giảm trong năm	1,126,147,693	17,365,129,280	516,976,190	274,242,419	19,282,495,582
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		8,034,351,156	376,476,190	187,547,616	8,598,374,962
Giảm khác				23,600,211	23,600,211
Giảm do điều chuyển nội bộ	1,126,147,693	9,330,778,124	140,500,000	63,094,592	10,660,520,409
Số dư tại 30/09/2016	127,430,520,374	279,422,022,786	17,992,898,625	8,693,836,909	433,539,278,694
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	96,322,120,809	93,688,973,532	7,903,119,199	2,092,866,775	200,007,080,315
Tại 30/09/2016	109,953,533,561	121,585,778,753	8,950,333,853	2,376,904,705	242,866,550,872

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	1,923,690,012	12,323,741,389	22,861,145,170	2,333,573,820	39,442,150,391
Tăng trong năm			1,382,791,200		1,382,791,200
Mua trong kỳ			1,382,791,200		1,382,791,200
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
Tăng do hợp nhất kinh doanh					
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Tỷ, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư tại 30/09/2016	1,923,690,012	12,323,741,389	24,243,936,370	2,333,573,820	40,824,941,591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	159,402,154	2,351,068,702	5,678,213,917	1,523,343,577	9,712,028,350
Tăng trong năm	49,469,634	393,220,863	1,753,339,288	175,018,041	2,371,047,826
Khấu hao trong năm	49,469,634	393,220,863	1,753,339,288	175,018,041	2,371,047,826
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Giảm khác					
Số dư tại 30/09/2016	208,871,788	2,744,289,565	7,431,553,205	1,698,361,618	12,083,076,176
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
tại 01/01/2016	1,764,287,858	9,972,672,687	17,182,931,253	810,230,243	29,730,122,041
tại 30/09/2016	1,714,818,224	9,972,672,687	17,182,931,253	635,212,202	28,741,865,415

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Nội dung	Tỷ lệ			Tại ngày 30/09/2016			Tại ngày 1/01/2016		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				104,603,268,520	104,603,268,520		72,803,268,520	72,803,268,520	
Công ty CP May Bình Định	51.84%	51.84%	1,153,562	11,535,620,000	11,535,620,000		11,535,620,000	11,535,620,000	
Công ty CP May Đà Lạt	55.00%	55.00%	581,765	5,817,648,520	5,817,648,520		5,817,648,520	5,817,648,520	
Công ty CP May Gia Lai	51.00%	51.00%	765,000	7,650,000,000	7,650,000,000		7,650,000,000	7,650,000,000	
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	51.00%	51.00%	255,000	2,550,000,000	2,550,000,000		2,550,000,000	2,550,000,000	
Công ty CP May An Nhơn	51.00%	51.00%	765,000	7,650,000,000	7,650,000,000		7,650,000,000	7,650,000,000	
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	51.00%	51.00%	255,000	2,550,000,000	2,550,000,000		2,550,000,000	2,550,000,000	
Công ty CP May Tam Quan	51.00%	51.00%	1,530,000	15,300,000,000	15,300,000,000		15,300,000,000	15,300,000,000	
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70.00%	70.00%	700,000	7,000,000,000	7,000,000,000		7,000,000,000	7,000,000,000	
Công ty cổ phần May Bình Thuận	51.00%	51.00%	1,275,000	12,750,000,000	12,750,000,000		12,750,000,000	12,750,000,000	
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	72.00%	72.00%	2,160,000	21,600,000,000	21,600,000,000				
Cty CP May Gia Phúc	51.00%	51.00%	1,020,000	10,200,000,000	10,200,000,000				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				70,861,989,920	70,861,989,920		65,761,989,920	65,761,989,920	
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	33.19%	33.19%	922,382	9,223,819,263	9,223,819,263		9,223,819,263	9,223,819,263	
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	34.33%	34.33%	388,917	3,889,170,657	3,889,170,657		3,889,170,657	3,889,170,657	
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%	342,900	3,429,000,000	3,429,000,000		3,429,000,000	3,429,000,000	
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43.89%	43.89%	1,536,000	15,360,000,000	15,360,000,000		15,360,000,000	15,360,000,000	
Công ty CP BĐS Nhà Bè	30.00%	30.00%	900,000	9,000,000,000	9,000,000,000		9,000,000,000	9,000,000,000	
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30.00%	30.00%	150,000	1,500,000,000	1,500,000,000		1,500,000,000	1,500,000,000	
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29.99%	29.99%	300,000	3,000,000,000	3,000,000,000		3,000,000,000	3,000,000,000	
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	37.60%	37.60%	1,346,000	13,460,000,000	13,460,000,000		11,060,000,000	11,060,000,000	
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25.00%	25.00%	750,000	7,500,000,000	7,500,000,000		7,500,000,000	7,500,000,000	
Công Ty CP TM Bán Lẻ Nhà Bè	30.00%	30.00%	450,000	4,500,000,000	4,500,000,000		1,800,000,000	1,800,000,000	
Đầu tư dài hạn khác				27,285,613,385	27,285,613,385		27,285,613,385	27,285,613,385	
Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu				1,530,000,000	1,530,000,000		1,530,000,000	1,530,000,000	
Công ty CP May An Nhơn				1,530,000,000	1,530,000,000		1,530,000,000	1,530,000,000	
Đầu tư dài hạn khác				25,755,613,385	25,755,613,385		25,755,613,385	25,755,613,385	
Công ty CP & Đầu tư Bình Thắng	18.02%	18.02%		5,802,843,385	5,802,843,385		5,802,843,385	5,802,843,385	
Công ty CP NPL Bình An	6.45%	6.45%		7,161,920,000	7,161,920,000		7,161,920,000	7,161,920,000	
Công ty CP Dệt May Liên Phương	2.04%	2.04%		3,480,000,000	3,480,000,000		3,480,000,000	3,480,000,000	
Công ty CP Thương Mại Chọn									
Cty CP Đầu Tư An Phát	5.00%	5.00%		4,225,000,000	4,225,000,000		4,225,000,000	4,225,000,000	
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	18.59%	18.59%		1,338,750,000	1,338,750,000		1,338,750,000	1,338,750,000	
Tổng Cty Việt Thắng - CTCP	1.95%	1.95%		3,747,100,000	3,747,100,000		3,747,100,000	3,747,100,000	
Tổng				202,750,871,825	202,750,871,825	-	165,850,871,825	165,850,871,825	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	210,790,262,208	210,790,262,208	305,603,541,628	305,603,541,628
Cty CP May Tam Quan	8,572,362,454	8,572,362,454	20,455,026,214	20,455,026,214
Cty CP May Gia Lai	11,241,070,069	11,241,070,069	14,571,303,665	14,571,303,665
Motives (Far East) Ltd.	10,182,806,775	10,182,806,775	13,347,859,645	13,347,859,645
Công Ty TNHH Coats Phong Phú	-	-	12,816,655,224	12,816,655,224
Cty CP May Bình Định	-	-	12,639,392,680	12,639,392,680
Cty CP May Hưng Phát	-	-	10,873,167,692	10,873,167,692
Công Ty TNHH May XK Việt Thành	9,964,053,820	9,964,053,820	10,217,121,782	10,217,121,782
Cty CP May Tây sơn	-	-	10,054,160,258	10,054,160,258
Công Ty CP TM Dệt May tại Hà Nội	-	-	9,357,221,335	9,357,221,335
Cty CP May An Nhơn	-	-	9,262,826,484	9,262,826,484
Kufner Hong Kong LTD.	8,445,611,955	8,445,611,955		
SHANGHAI WEISHI	9,233,577,007	9,233,577,007		
Cty CP May Bình Thuận	5,628,948,186	5,628,948,186		
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	5,932,115,063	5,932,115,063		
Zhangjiang Pukun Worsted Textile	5,639,973,635	5,639,973,635		
Grosso Moda Netherland B.V	5,447,276,861	5,447,276,861		
Phải trả các nhà cung cấp khác	130,502,466,383	130,502,466,383	182,008,806,649	182,008,806,649
Dài hạn	1,227,094,905	1,227,094,905	1,496,498,791	1,496,498,791
Công Ty CP DV Dầu Khí Sài Gòn (SPSC)		-	72,000,000	72,000,000
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư TM và DV Hà Anh	159,664,450	159,664,450	109,970,850	109,970,850
Công Ty TNHH MTV TM Thời Trang Dệt May VN		-	607,833,224	607,833,224
Công Ty TNHH MTV XD SX TM DV T.A.T	18,844,375	18,844,375	46,822,875	46,822,875
Công Ty TNHH Vải Sợi & Thời Trang Kim Vũ		-	68,071,500	68,071,500
Công Ty TNHH Xây Dựng TTNT Trường Tín		-	34,984,783	34,984,783
Công Ty Xây lắp 1	234,364,068	234,364,068	234,364,068	234,364,068
CTY TNHH SX-TMDV Nam Thành	24,097,482	24,097,482	24,097,482	24,097,482
Embisphene	37,962,000	37,962,000	37,962,000	37,962,000
The Sewing machine Company LTD	53,947,720	53,947,720	53,947,720	53,947,720
Công Ty CP DLA Việt Nam	383,874,361	383,874,361		
Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam	272,272,727	272,272,727		
Cửa Hàng Tấn Phát	27,110,472	27,110,472		
phải trả dài hạn khác	14,957,250	14,957,250	206,444,289	206,444,289
Tổng	212,017,357,113	212,017,357,113	307,100,040,419	307,100,040,419

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/09/2016
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3,463,419,919	16,216,865,869	17,498,670,769	2,181,615,019
Thuế XNK	1,082,997,001	801,222,931	743,629,399	1,140,590,533
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2,646,258,074	1,695,813,187	950,444,887
Thuế thu nhập cá nhân	2,180,164,541	3,569,150,665	2,998,049,383	2,751,265,823
Thuế môn bài	-	48,000,000	48,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51,283,684	2,517,715,481	2,495,221,242	73,777,923
Tổng	6,777,865,145	25,799,213,020	25,479,383,980	7,097,694,185
Phải thu				
Thuế XNK	15,026,155,297	4,295,489,395	1,959,656,540	12,690,322,442
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,638,083,857	7,412,108,454	4,774,024,597	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44,039,138	-	-	44,039,138
Tổng	17,708,278,292	11,707,597,849	6,733,681,137	12,734,361,580

5.11 Chi phí phải trả

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	28,753,578,072	25,762,430,818
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	9,040,313,319	7,272,128,575
Bản quyền phần mềm Microsoft	23,247,298	23,247,298
Nguyên phụ liệu	14,183,310,662	13,504,887,911
hạng mục san nền san nền và đường trục chính cụm Công Nghiệp Tam Quan		1,141,235,091
Chi phí điện, nước, vận chuyển	2,010,252,723	2,159,126,240
chi phí phải trả khác	3,496,454,070	1,661,805,703
Dài hạn	-	-
Tổng	28,753,578,072	25,762,430,818

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	2,795,955,844	485,335,656
Các khoản doanh thu nhận trước	2,795,955,844	485,335,656
Dài hạn	21,201,132,735	15,259,492,405
Các khoản doanh thu nhận trước	21,201,132,735	15,259,492,405
Tổng	23,997,088,579	15,744,828,061

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Phải trả khác

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	13,790,975,563	9,604,509,408
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	3,321,175,855	910,373,377
Bảo hiểm xã hội	289,585,320	270,240,986
Bảo hiểm y tế	1,480,314,125	1,012,520,103
Bảo hiểm thất nghiệp	476,120,966	321,189,626
Phải trả lợi nhuận khoán	-	3,800,000,000
Phải trả khác	8,223,779,297	3,290,185,316
Dài hạn	6,409,205,274	6,338,182,174
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	3,423,705,274	3,423,705,274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,985,500,000	2,914,476,900
Tổng	20,200,180,837	15,942,691,582

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2016		phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1,000,595,599,681	1,000,595,599,681	1,853,469,671,829	2,146,326,017,223	1,293,451,945,075	1,293,451,945,075
NH Ngoại Thương VN (VCB)	563,983,973,951	563,983,973,951	923,929,017,921	962,387,166,820	602,442,122,850	602,442,122,850
NH Hong Kong Bank	3,287,071,349	3,287,071,349	31,588,409,021	96,438,558,822	68,137,221,150	68,137,221,150
NH VIB	157,321,421,889	157,321,421,889	210,625,441,883	208,077,988,619	154,773,968,625	154,773,968,625
NH Far East National Bank (FENB)	15,014,319,121	15,014,319,121	46,938,610,347	67,715,824,001	35,791,532,775	35,791,532,775
NH Quân Đội (MB)	31,274,786,439	31,274,786,439	113,314,079,606	132,347,796,017	50,308,502,850	50,308,502,850
NH ANZ Ho Chi Minh Branch	46,144,628,035	46,144,628,035	93,326,522,520	69,095,892,335	21,913,997,850	21,913,997,850
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Nam SG	36,501,301,099	36,501,301,099	119,913,761,800	209,200,145,976	125,787,685,275	125,787,685,275
NH Đông nam Á - CN Chợ Lớn	-	-	-	44,400,941,775	44,400,941,775	44,400,941,775
NH Standard Chartered	32,647,851,468	32,647,851,468	52,985,255,199	20,337,403,731	-	-
NH Công Thương VN - TP.HCM	88,921,253,429	88,921,253,429	229,237,493,910	316,010,868,406	175,694,627,925	175,694,627,925
NH Hàng Hải CN TP.HCM (MSB)	21,485,922,295	21,485,922,295	31,611,079,622	10,125,157,327	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	2,834,167,500	2,834,167,500	-	7,155,832,500	9,990,000,000	9,990,000,000
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	1,178,903,106	1,178,903,106	-	3,032,440,894	4,211,344,000	4,211,344,000
Vay dài hạn	73,402,916,171	73,402,916,171	37,048,400,171	-	36,354,516,000	36,354,516,000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	11,075,233,851	11,075,233,851	2,598,217,851	-	8,477,016,000	8,477,016,000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-USD	62,327,682,320	62,327,682,320	34,450,182,320	-	27,877,500,000	27,877,500,000
CỘNG	1,073,998,515,852	1,073,998,515,852	1,890,518,072,000	2,146,326,017,223	1,329,806,461,075	1,329,806,461,075

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2015	182,000,000,000	30,312,209,716	64,867,739,303	277,179,949,019
Tăng vốn	-			-
Lãi trong năm trước		1,087,687,997	68,417,896,249	69,505,584,246
Tăng khác			2	2
Giảm vốn trong năm trước	-	-		-
Lỗ trong năm trước				-
Trích lập các quỹ			12,034,551,396	12,034,551,396
Chia trả cổ tức 2014			45,500,000,000	45,500,000,000
Giảm khác			214,497,897	214,497,897
				-
Số dư tại 31/12/2015	182,000,000,000	31,399,897,713	75,536,586,261	288,936,483,974
Số dư tại 01/01/2016	182,000,000,000	31,399,897,713	75,536,586,261	288,936,483,974
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	55,076,185,458	55,076,185,458
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	8,812,189,675	8,812,189,675
Chia trả cổ tức	-	-	45,500,000,000	45,500,000,000
Giảm khác	-	-	7	7
Số dư tại 30/09/2016	182,000,000,000	31,399,897,713	76,300,582,037	289,700,479,750

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tập đoàn dệt may Việt Nam	50,400,000,000	50,400,000,000
Công ty cổ phần 4M	14,165,710,000	14,165,710,000
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491,220,000	491,220,000
Vốn góp khác	116,943,070,000	116,943,070,000
Tổng	182,000,000,000	182,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2016	01/01/2016
Vốn góp tại đầu năm	182,000,000,000	182,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182,000,000,000	182,000,000,000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	45,500,000,000	

d. Cổ phiếu

	30/09/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,200,000	18,200,000
Số lượng cổ phiếu đã phát ra công chúng	18,200,000	18,200,000
cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,200,000	18,200,000
cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/09/2016	đến 30/09/2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,382,828,299,734	2,563,667,799,728
Doanh thu bán hàng	2,356,683,828,829	2,547,930,955,277
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,144,470,905	15,736,844,451
Các khoản giảm trừ doanh thu	11,226,829,682	11,332,024,026
Giảm giá hàng bán	1,213,754,861	2,824,639,331
Hàng bán trả lại	10,013,074,821	8,507,384,695
Tổng	2,371,601,470,052	2,552,335,775,702

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	832,645,760	11,251,393,535
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,901,347,228,922	2,119,079,425,458
Tổng	1,902,179,874,682	2,130,330,818,993

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	934,226,959	1,760,010,730
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19,741,280,278	20,935,819,852
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19,045,424,097	25,013,477,409
Doanh thu hoạt động tài chính khác	194,000	1,368,025
Lợi nhuận khoán	-	437,117,453
Tổng	39,721,125,334	48,147,793,469

5.19 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền vay	19,953,779,657	20,148,222,642
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7,334,103,906	40,890,108,622
Tổng	27,287,883,563	61,038,331,264

5.20 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nhân viên	41,098,698,309	26,793,549,113
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3,359,072,428	3,676,784,295
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4,369,210,787	3,222,461,428
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,194,531,014	1,170,701,708
Thuế, phí, lệ phí	64,022,000	40,938,063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125,165,493,928	134,844,390,566
Chi phí bằng tiền khác	13,498,477,782	8,746,699,195
Tổng	188,749,506,248	178,495,524,368

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nhân viên quản lý	142,067,912,962	100,978,542,617
Chi phí vật liệu quản lý	8,948,412,434	7,163,497,601
Chi phí đồ dùng văn phòng	5,992,214,427	3,751,751,230
Chi phí khấu hao TSCĐ	13,245,328,645	11,109,063,190
thuế phí và lệ phí	972,590,936	2,003,091,626
Chi phí dự phòng	732,764,420	676,938,875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,948,622,538	19,493,435,127
Chi phí bằng tiền khác	24,874,336,156	21,787,317,928
Tổng	228,782,182,518	166,963,638,194

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	625,289,428	342,476,775
chênh lệch tiền NPL	125,698,244	244,425,515
chênh lệch tiền gia công	137,536,828	-
Thu phí đào tạo	244,400,000	-
thu tiền bồi thường hàng bị cháy	1,099,290,304	-
Thu nhập khác	117,570,400	342,476,982
Tổng	2,349,785,204	929,379,272
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hành chính	101,579,695	205,442,508
chênh lệch tiền gia công+NPL	130,459,944	-
giá vốn hàng bị cháy	1,151,378,182	-
Chi phí khác	154,963,772	416,578,964
Tổng	1,538,381,593	622,021,472
Lợi nhuận khác	811,403,611	307,357,800

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65,134,551,986	63,962,614,152
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	4,898,560,933	4,170,476,140
- Các khoản chi phí không chứng từ	4,362,918,735	3,530,971,130
- Các khoản phạt	101,579,695	205,442,508
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	434,062,503	434,062,502
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-
- Khác	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	19,741,280,278	22,453,417,305
- Cổ tức	19,741,280,278	22,453,417,305
- Phạt thuế	-	-
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-
Thu nhập chịu thuế	50,291,832,641	45,679,672,987
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Thuế TNDN phát sinh đối với hoạt động chính	10,058,366,528	10,049,528,057
Chi phí thuế TNDN	10,058,366,528	10,049,528,057

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,144,828,609,819	1,319,120,406,504
Chi phí nhân công	571,144,543,664	440,924,513,652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44,509,866,027	44,462,223,654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	535,354,334,391	634,025,864,696
Chi phí khác bằng tiền	23,874,209,548	37,256,973,049
Tổng	2,319,711,563,448	2,475,789,981,555

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch bán hàng trong kỳ

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Từ 01.01.2016 đến 30.09.2016	Từ 01.01.2015 đến 30.09.2015
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	5,090,920	3,818,190
		Điện, ăn, nước, thuê máy	23,453,000	8,556,000
		Thiết bị các loại		145,090,876
		Chi Phí XNK		5,129,550
		Khác		5,810,788
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	40,049,776	-
		Tiền thuê nhà	169,131,646	-
		Khác	10,914,000	
		Quần áo	33,027,273	49,393,253
Cty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	2,020,289,093	3,876,863,504
		Nguyên Phụ Liệu	630,228	49,737,471
		Điện, ăn, nước, thuê máy		121,366,903
		Tiền thuê nhà		97,369,633
		Khác		16,493,089
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	1,191,856,762	6,719,832,820
		Điện, ăn, nước, thuê máy	583,855,580	593,410,036
		Khác	151,202,415	131,916,903
		Nguyên Phụ Liệu	46,923,555	549,294,247
		Tiền thuê nhà		85,368,053
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	70,643,123	126,693,449
		Tiền thuê nhà	203,594,830	85,211,070
		Khác	22,272,691	790,000
		Quần áo	3,636,364	12,200,000
		Nguyên Phụ Liệu	3,007,790,071	
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	18,041,770	
		Tiền thuê nhà	247,664,574	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	52,782,363	-
Cty CP May Sóng Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	8,296,000	
		Quần áo	502,243,454	291,777,048
		Nguyên Phụ Liệu	87,299,473	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	21,358,000	21,358,000
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	232,066,065	6,304,880
		Quần áo	256,344,546	2,464,405,557
		Nguyên Phụ Liệu	4,607,820	1,750,000
		Điện, ăn, nước, thuê máy		1,044,000
		Khác		11,836,087
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	79,429,773	51,937,591
		Điện, ăn, nước, thuê máy	199,178,966	325,451,281
		Khác	120,277,817	1,500,000
		Tiền thuê nhà	314,214,634	131,931,302
		Chi Phí XNK		10,440,000
		Chi Phí XNK	11,236,364	82,257,589
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Khác	31,416,000	18,376,930
		Nguyên Phụ Liệu	37,009,118	1,130,600
		Điện, ăn, nước, thuê máy	87,757,000	156,996,961
		Tiền thuê nhà		141,565,542
		Quần áo		1,054,545
		Điện, ăn, nước, thuê máy	2,400,000	5,828,000
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Chi Phí XNK	1,515,910	21,500,000
		Khác	167,069,540	58,148,659
		Quần áo		2,975,000
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Chi Phí XNK	50,653,392	140,621,409
		Thiết bị các loại		136,363,636
		Quần áo		1,292,956,568
		Nguyên Phụ Liệu		18,689,036
		Khác		45,714,213
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Chi Phí XNK	20,151,360	17,806,095
		Khác	28,184,984	152,674,037
		Điện, ăn, nước, thuê máy	13,653,000	15,431,000
		Quần áo	3,818,190	
		Nguyên Phụ Liệu		36,526,470
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Nguyên Phụ Liệu	201,831,000	149,497,600
		Khác	7,034,455	25,248,588
		Chi Phí XNK	9,362,600	172,669,851
		Điện, ăn, nước, thuê máy	5,496,000	177,879,332
		Tiền thuê nhà		653,883,518
		Quần áo		(98,105,590)
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	57,236,428	
		Nguyên Phụ Liệu	2,801,850	
		Chi Phí XNK	4,000,000	
		Điện, ăn, nước, thuê máy		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Từ 01.01.2016 đến 30.09.2016	Từ 01.01.2015 đến 30.09.2015
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	5,697,829,187	10,080,548,654
Cty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	10,929,313,000	150,855,000
		Dịch vụ bảo trì	192,100,000	158,000,000
		Công cụ, dụng cụ khác	173,330,000	10,850,307,850
		Văn Phòng Phẩm	18,471,000	1,300,000
		Sửa chữa	6,960,000	8,550,000
		Sửa chữa	17,890,000	16,700,000
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	2,886,676,359	1,544,640,520
		Công cụ, dụng cụ khác	258,388,460	406,969,700
		Văn Phòng Phẩm	966,600,357	60,255,100
		Sửa chữa	174,000	552,600
Cty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công	13,083,787,756	3,365,997,457
		Thiết bị các loại	3,081,661,653	213,981,650
		Công cụ, dụng cụ khác	14,347,445	
		Sửa chữa	32,595,000	
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công	1,457,178,213	
		khác	137,117,935	
		khác	2,851,088,846	618,246,545
		khác	551,844,506	378,886,483
		khác		3,536,500
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển		
		Công cụ, dụng cụ khác	470,621,250	1,399,087,187
		Dịch vụ bảo trì	713,965,000	534,360,000
		khác	4,131,404,220	4,302,730,673
		Phí vận chuyển	1,196,583,612	416,097,667
		Quảng cáo	1,486,370,200	2,804,880,455
		Sửa chữa	3,972,298,584	194,412,388
		Thiết bị các loại	1,503,733,628	550,173,568
		Văn Phòng Phẩm	190,134,714	130,356,081
		Gia công		6,100,000
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	3,984,473,336	
		Thiết bị các loại	410,259,700	
		khác	950,763	
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	khác	655,514,456	370,529,418
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	6,008,269,708	11,214,396,049
		khác		60,000
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	21,647,262,614	12,719,600,330
		Hoa Hồng	59,647,364	81,424,364
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	16,640,000	1,818,181,818
		Phí vận chuyển	43,750,095,457	38,878,698,023
		khác	336,548,878	8,550,447,437
		Sửa chữa	54,713,740	71,480,134
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	39,439,936,255	48,024,083,641
		Phí vận chuyển	16,556,425	16,154,000
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Gia công	14,770,885,833	25,032,106,026
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	65,377,899,490	94,740,032,932
		khác	26,158,550	
		khác		84,153,281
Cty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển		
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	735,504,000	
		Gia công	34,459,568,732	33,736,016,576
		Phí vận chuyển	23,644,000	
		khác	4,208,832	
		Công cụ, dụng cụ		38,000,000
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	51,799,757,301	57,763,299,207
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Gia công	31,943,208,726	
		khác	54,940,200	

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Số dư công nợ các bên liên quan

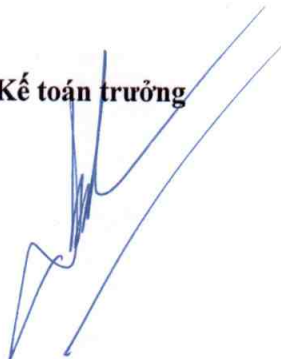
Bên Liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/09/2016 VND
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	4,929,929,598
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	3,416,184,009
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	4,437,960,281
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	1,723,232,602
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	Công ty con	Phải trả khách hàng	1,685,987,331
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	Công ty con	Phải trả khách hàng	130,696,502
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khách hàng	11,297,177,488
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả khách hàng	4,427,158,643
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả khách hàng	3,928,007,449
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải trả khách hàng	552,861,156
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải trả khách hàng	7,308,684,841
Công ty cổ phần May Bình Thuận	Công ty con	Phải trả khách hàng	4,338,235,802
Công ty cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả khách hàng	1,051,571,456

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác theo hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 31/12/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính đối với Bảng Kết quả kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	THEO QUYẾT ĐỊNH 15 từ ngày 01.01.2015 đến ngày 30.09.2015	THEO THÔNG TƯ 200 từ ngày 01.01.2015 đến ngày 30.09.2015	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
1	Thu nhập khác	1,144,193,372	929,379,272	214,814,100	giá trị còn lại tscđ thanh lý
2	Chi phí khác	836,835,572	622,021,472	214,814,100	giá trị còn lại tscđ thanh lý

Người Lập



Huỳnh Văn Phát

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2017



Kế toán trưởng

Mai Văn Hoàng Dũng